

Bản án số: 156/2021/DS-PT
Ngày 26 – 11 – 2021
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất rừng

Ngày 26 – 11 – 2021

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất rừng

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang.

Các Thẩm phán

Ông Ninh Quang Thế.

Ông Đặng Minh Trung.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Bằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Dẽ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:156/2021/TLPT-DS ngày 09 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất rừng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số:18/2021/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiền bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:159/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn B1, sinh năm 1951

Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn luật sư Nguyễn Văn T2 – Thuộc văn phòng luật sư Ngô Đình Chiến. Địa chỉ: Số 142 Phạm Hồng Thám, khóm 2, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Bi đơn*: Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1956

Cư trú tại: Ấp Dinh Hạng, xã Tân Ân, huyện Ngọc, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Huỳnh Văn Bình (đã chết).

2/ Bà Phan Thi L.

Cư trú tại: Ấp D, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

3/ Ông Huỳnh Minh C.

Cùng cư trú tại: Ấp D, xã T, huyện N., tỉnh Cà Mau.

4/ Bà Huỳnh Thị N1.

Cư trú tại: Ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh C ..

5/ Bà Huỳnh Thị B2.

Cư trú tại: Ấp Đ, xã T, huyện N, tỉnh C ..

6/ Bà Huỳnh Kim U, sinh năm 1958

Cư trú tại: Ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh C ..

7/ Bà Lê Thị Lài (vợ ông Huỳnh Văn Sáu đã chết).

Cư trú tại: Ấp Đ, xã T, huyện N, tỉnh C ..

8/ Chị Huỳnh Thị D1.

9/ Cư trú tại: Khóm 1, thị t, huyện N, tỉnh C ..

10/ Anh Huỳnh Văn D2.

Cư trú tại: Ấp Đ, xã T, huyện N, tỉnh C ..

11/ Anh Huỳnh Văn D3.

Cư trú tại: Khóm 7, thị t, huyện N, tỉnh C ..

12/ Chị Huỳnh Thị G.

Cư trú tại: Khóm 7, thị t, huyện N, tỉnh C ..

13/ Chị Huỳnh Thị D1.

Cư trú tại: Khóm 1, thị t, huyện N, tỉnh C ..

14/ Anh Hồng Quang D4 .

Địa chỉ: Ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh C ..

15/ Ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1963.

Cư trú tại: Ấp D, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

16/ Bà Huỳnh Hồng N2.

Cư trú tại: Ấp D, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

17/ Ông Huỳnh Minh X, sinh năm 1973

Cư trú tại: Khóm 1, thị t, huyện N, tỉnh C ..

18/ Ông Huỳnh Minh M1 1974.

Cư trú tại: Ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh C ..

19/ Anh Huỳnh Minh N3.

Cư trú tại: Ấp D, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

20 Bà Trương Thị D5, sinh năm 1958.

Cư trú tại: Ấp D, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

21/ Anh Huỳnh Phương D6, sinh năm 1979 .

Cư trú tại: Ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh C .

22/ Chị Huỳnh Ngọc H2, sinh năm 1981.

Cư trú tại: Ấp R, xã Đ, huyện N, tỉnh C .

23/ Anh Huỳnh Ngọc D7, sinh năm 1982.

Cư trú tại: Ấp D, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

24/ Chị Huỳnh Ngọc H1, sinh năm 1986.

Cư trú tại: Khóm 8, thị t, huyện N, tỉnh C ..

25/ Anh Huỳnh Ngọc H3, sinh năm 1987.

Cư trú tại: Ấp D, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

26/ Chị Huỳnh Ngọc H4, sinh năm 1989.

Cư trú tại: Khóm 8, thị t, huyện N, tỉnh C ..

27/ Anh Huỳnh Văn T3, sinh năm 1991.

Cư trú tại: Ấp D, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

28/ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Ngọc Hiển – Đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Hoài Hận – Giám đốc.

Địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện N, tỉnh C ..

29/ Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V - Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn Xê - Trưởng Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện N, tỉnh C ..

30 / Ủy ban nhân dân xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau - Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Thành Trung - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện N, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo:* Ông Huỳnh Văn B1 là nguyên đơn và ông Huỳnh Văn T1 là bị đơn trong vụ án.

(Tại phiên tòa ông B1, Luật sư T2, ông T1 và anh T3 có mặt. Những người tham gia tố tụng còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 6 năm 2019 ông Huỳnh Văn B1 trình bày: Cha, mẹ ông là Huỳnh Văn Cẩm và bà Tiết Thị Nhục (hiện nay đã chết) có khai phá một phần đất tại ấp Dinh Hận, xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau. Đến năm 1980 cha, mẹ ông có họp gia đình, cắt cho ông một phần đất có diện tích chiều ngang 50m, chiều dài 250m để ông ra riêng sinh sống. Sau khi được cho đất thì ông quản lý sử dụng, cho đến năm 1987, ông đi làm ăn xa nên ông có bàn bạc, thoả thuận cho em ruột ông là ông Huỳnh Văn T1 mượn phần đất chiều ngang

50m, chiều dài 150m để em ông bao ví nuôi tôm cải thiện cuộc sống.

Nay ông trở về địa phương sinh sống. Do đó ông làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Huỳnh Văn T1 trả lại cho ông phần đất chiều ngang 50m, chiều dài 150m, có giá trị bằng tiền 150.000.000 đồng. Phần đất có vị trí như sau:

Hướng Đông: Giáp với phần đất ông Huỳnh Văn T1 quản lý.

Hướng Tây: Giáp với phần đất ông Huỳnh Văn Bình (hiện nay Huỳnh Minh N3 quản lý)

Hướng Nam: Giáp với lộ giao thông cấp 6 hiện hữu.

Hướng Bắc: Giáp với phần đất ông Huỳnh Văn T1 quản lý.

Ông Huỳnh Văn T1 là bị đơn trình bày: Ông không thống nhất theo yêu cầu của ông Huỳnh Văn B1. Lý do phần đất ông Huỳnh Văn B1 yêu cầu là do ông và cha mẹ ông khai phá năm 1986. Tổng diện tích khoảng 5,6ha. Phần đất này hiện nay do ông đang quản lý 5,6ha được Ban quản lý rừng giao khoán. Phần đất của ông đang quản lý có vị trí:

Hướng Đông: Giáp với phần đất ông Trương Văn Tới.

Hướng Tây: Giáp với phần đất ông Huỳnh Văn Bình (hiện nay Huỳnh Minh N3 quản lý)

Hướng Nam: Giáp với Rạch Cây Rạng.

Hướng Bắc: Giáp với phần đất ông Huỳnh Văn B1 đang quản lý.

Trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án cũng như tại phiên toà ngày 19 tháng 11 năm 2020 bị đơn ông Huỳnh Văn T1 thống nhất giá trị phần đất đang tranh chấp là 150.000.0000 đồng và không yêu cầu định giá.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Kim U (em ruột ông Huỳnh Văn T1) trình bày: Nguồn gốc đất của cha mẹ cho anh thứ 6 tên Huỳnh Văn Sáu (đã chết) phía trên (hướng trời mọc), anh B1 phía dưới (phía trời lặn). Phần ở giữa ông Huỳnh Văn T1 sử dụng do ông T1 là con trai út, ở chung với cha mẹ từ trước đến ngày cha, mẹ mất. Nhưng không biết diện tích cụ thể như thế nào. Nghe nói cho nền đất nhà để ở. Đối với biên bản họp gia đình ngày 05/5/2015 tôi không có tham gia. Chữ ký trong biên bản họp gia đình không phải do tôi ký. Do thời điểm đó tôi không có nhà, do con tôi ký tên.

Anh Hồng Quang D4 trình bày: Tôi không có ý kiến gì trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh Huỳnh Minh X trình bày: Năm 1999 ông là cán bộ địa chính thuộc Ủy ban nhân dân xã Tân Ân. Ông là thành viên trong hội đồng cấp đất, trong quá trình cấp đất cho các hộ dân, phần đất ông Huỳnh Văn B1 và ông Huỳnh Văn T1 đang tranh chấp là thuộc phần đất của ông Huỳnh Văn T1, chứ ông Huỳnh Văn B1 không có đất và cũng không được cấp đất. Trong khi cấp đất cho ông Huỳnh Văn B1 chiều ngang 10m, chiều dài 55m (trong đó trừ 15m mé sông sặc lỗ). Trong biên bản họp gia đình ông Huỳnh Văn Bình là cha ruột của tôi và cũng là anh ruột của ông B1 và ông T1 không ký vào biên bản họp gia đình và biên bản họp gia đình không công chứng

chứng thực là không đúng với quy định của pháp luật. Ông Huỳnh Văn T1 đã được Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V cấp đất từ năm 1999 và sử dụng ổn định cho đến nay, theo ông đất này là của ông Huỳnh Văn T1, ông Huỳnh Văn B1 là người không có đất và ông yêu cầu Tòa án xem xét lại tính pháp lý của biên bản họp gia đình ngày 05/5/2015 do ông Huỳnh Văn B1 cung cấp và ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh Huỳnh Ngọc D7, Huỳnh Ngọc H1, Huỳnh Ngọc H2 trình bày: Yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và thống nhất theo ý kiến của anh Huỳnh Minh X.

Ông Nguyễn Văn T2 trình bày: Yêu cầu Tòa án xem xét lại sổ hợp đồng giao khoán đất nông nghiệp cho ông Huỳnh Văn T1 có đúng quy định của pháp luật hay không.

Tại công văn số 02/CV – BQL ngày 17 tháng 01 năm 2020 Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V thể hiện: Phần đất đang tranh chấp hiện nay giữa ông Huỳnh Văn B1 và ông Huỳnh Văn T1 có vị trí và được phân chia thành: Vị trí lô số 01: Do Ủy ban nhân dân xã Tân Ân quản lý theo Quyết định 284/QĐ – CTUB ngày 30/11/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc thu hồi đất đối với Lâm ngư trường Kiến V (nay là Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V) giao cho xã Tân Ân để quản lý, không lập hồ sơ giao khoán cho cá nhân hoặc tổ chức nào.

Vị trí lô số 2: Do Ủy ban nhân dân xã Tân Ân quản lý theo Quyết định 284/QĐ - CTUB ngày 30/11/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau. Phần diện tích này trước đây Lâm ngư trường Kiến V lập sổ giao khoán cho ông Huỳnh Văn T1 theo Nghị định số 01/1995. Tuy nhiên hiện nay chủ hộ chưa thanh lý phần diện tích đất này để giao về xã Tân Ân quản lý.

Vị trí lô số 3: Do Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V quản lý theo Quyết định 284/QĐ – CTUB ngày 30/11/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau và Quyết định số 378/QĐ – UBND ngày 12 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau. Phần diện tích đất này hiện nay ông Huỳnh Văn T1 đang canh tác, sản xuất theo hồ sơ giao khoán năm 1999, trong thời gian tới Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V tiến hành lập hồ sơ giao khoán theo chủ trương mới. Nguồn gốc đất trước năm 1999.

Luật bảo vệ và phát triển rừng ban hành từ năm 1991, Luật đất đai ban hành năm 1993; thửa đất ông Huỳnh Văn T1 hình thành do tự bao chiếm hoặc sang bán đơn vị không nắm được. Năm 1995 nhà nước có chủ trương giao khoán đất rừng đến từng hộ dân, năm 1999 Lâm Ngư trường Kiến V tiến hành điều tra, đo đạc lập hồ sơ giao khoán. Thửa đất ông Huỳnh Văn T1 được hình thành trong hoàn cảnh như thế.

Hồ sơ thửa đất: Thửa số 8, khoản 74, tiểu khu 126, diện tích 5,6ha. Thời gian hợp đồng từ năm 1999 đến 2019. Căn cứ hồ sơ đang lưu giữ tại đơn vị và ngoài thực địa Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V không lập hồ sơ giao khoán cho ông Huỳnh Văn B1 tại khu vực đang tranh chấp, vị trí tranh chấp không thể hiện ranh giới rõ ràng mà nằm hoàn toàn thuộc thửa đất giao khoán cho ông Huỳnh Văn

T1. Hiện nay ông Huỳnh Văn B1 có yêu cầu ông Huỳnh Văn T1 trả lại phần đất đang tranh chấp nêu trên, Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V có ý kiến: Việc ông Huỳnh Văn B1 yêu cầu ông Huỳnh Văn T1 trả lại phần đất đang tranh chấp theo hồ sơ giao khoán là không có cơ sở; khu vực tranh chấp thuộc quy hoạch rừng phòng hộ xung yếu, không chia tách thửa để chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhằm xây cất nhà cửa dọc theo tuyến lộ đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Tân Ân.

Ý kiến Ủy ban nhân dân xã Tân Ân: Theo báo cáo số 495/BC – UBND ngày 14 tháng 9 năm 2020 và báo cáo số 83/BC – UBND ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân xã Tân Ân thể hiện: Diện tích phần đất đang tranh chấp giữa ông Huỳnh Văn B1 và ông Huỳnh Văn T1 hiện nay Ủy ban nhân dân xã Tân Ân quản lý 01 phần theo Quyết định 248 còn lại 01 phần do Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V quản lý. Phần đất đang tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc, diện tích đất hiện nay đang tranh chấp trước đây do ông Huỳnh Văn T1 quản lý và sử dụng cho đến nay và thực hiện tốt các chủ trương đối với người sử dụng đất. Khi thực hiện tuyến lộ cấp 6 đi ngang qua phần đất đang tranh chấp Ủy ban nhân dân xã Tân Ân có thực hiện phương án giải phóng mặt bằng, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và đền bù đều do ông Huỳnh Văn T1 đứng ra kê khai, nhận tiền giải phóng mặt bằng. Đối với diện tích phần đất Ủy ban nhân dân xã Tân Ân quản lý được giao theo Quyết định 284 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên phần được cấp là đất rừng sản xuất nên không được xây dựng công trình dân dụng trên phần diện tích đất này và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và luật đất đai.

Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Ngọc Hiển xin vắng mặt: Tại văn bản trình bày ngày 23 tháng 3 năm 2021. Vào ngày 30/6/2020 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Ngọc Hiển có lập hợp đồng cho vay tín chấp với hộ ông Huỳnh Văn T1, sổ hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp, thửa đất số 08, tiểu khu 126, diện tích 5,6ha tại ấp Rạch Gốc A, xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển số tiền gốc 190.000.000 đồng; tiền lãi tính đến 23/3/2021 là 3.993.000 đồng, hạn trả 29/6/2021. Hiện nay khoản nợ vay của hộ ông Huỳnh Văn T1 chưa đến hạn thanh toán, nên Ngân hàng không yêu cầu giải quyết trong vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2021/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn B1. Buộc bị đơn ông Huỳnh Văn T1 có nghĩa vụ giao trả giá trị phần đất bằng 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) cho nguyên đơn ông Huỳnh Văn B1.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành, các chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/5/2021, ông Huỳnh Văn B1 có đơn kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu nhận lại diện tích 7.500m² đất.

Ngày 21/5/2021, ông Huỳnh Văn T1 có đơn kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm xin giảm 50% giá trị đất chấp nhận số tiền 75.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền lợi ích cho nguyên đơn xin được định giá lại phần đất theo giá thị trường và yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu nhận đất của nguyên đơn hoặc nhận trị giá đất theo giá thị trường.

Ông Huỳnh Văn B1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đồng ý theo ý kiến của Luật sư.

Ông Huỳnh Văn T1 cho là thời điểm cha, mẹ ông cho đất ông B1, phần đất còn hoang hóa nhờ công sức ông gìn giữ cải tạo làm tăng giá trị quyền sử dụng đất, nên yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông tự nguyện hỗ trợ cho ông B1 số tiền 75.000.000 đồng và xin được miễn nộp tiền án phí.

Phản tranh luận tại phiên tòa: Các đương sự không tranh luận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn B1. Chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn T1, ghi nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh Văn T1 hỗ trợ số tiền 75.000.000 đồng cho ông Huỳnh Văn B1. Sửa bản án sơ thẩm số: 18/2021/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Huỳnh Văn B1 yêu cầu được nhận phần đất diện tích 7.500m², mục đích sau này cho lại các con. Phần đất tranh chấp ông B1 yêu cầu ông T1 trả lại diện tích 7.500m² ông cho là cha, mẹ cho ông. Thời điểm cho đất còn hoang hóa, ông đã canh tác đến năm 1987, sau đó cho ông T1 mượn để canh tác. Việc cho đất giấy tờ lưu giữ đã bị thất lạc, theo lời trình bày của Huỳnh Kim U là em ruột ông B1, ông T1 thì có nghe cha mẹ nói “cho ông B1 nền đất cất nhà để ở”. Ông B1 cho là ông T1 là em ruột mượn đất ngang 50m dài 150m, nhưng hoàn toàn không có chứng cứ gì chứng minh việc ông T1 mượn đất.

[2] Phần đất tranh chấp chiều ngang 50m, dài 150m vị trí nằm trong sổ hợp đồng giao khoán của Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V được ông Huỳnh Văn T1 quản lý sử dụng canh tác, thuộc loại đất rừng. Tại công văn số 02/CV-BQL ngày 17/01/2020 của Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V, thửa đất ông Huỳnh Văn T1 được hình thành từ thời điểm nào đơn vị rừng phòng hộ không nắm rõ. Năm 1995 nhà nước có chủ trương giao khoán đất rừng đến từng hộ dân, thì hộ ông Huỳnh Văn T1 được giao đất rừng có phần đất ông B1 đang yêu cầu.

Như vậy ông B1 được cha mẹ cho đất, ông đã nhận được phần đất giáp sông ngang 50m dài 100m và hiện nay ông vẫn đang quản lý. Đối với phần đất ngang

50m dài 150m ông B1 cho là ông sử dụng đến năm 1987 thì cho ông T1 mượn canh tác. Năm 2018 nhà nước làm lộ giải tỏa một phần và bồi thường, ông T1 là người nhận tiền bồi thường. Khi đó ông B1 cho là phần đất diện tích nhỏ và giá trị không cao nên cho ông T1 nhận. Theo ý kiến của Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến Vàng thì phần đất tranh chấp thuộc lô 1, 2, 3 loại đất rừng phòng hộ xung yếu, nên không thống nhất cắt chia đất rừng và không được chuyển mục đích sử dụng, xây dựng công trình. Cấp sơ thẩm cho là 7.500m² là đất của ông B1 nên chấp nhận yêu cầu của ông B1, buộc ông T1 trả lại giá trị đất với số tiền là 150.000.000 đồng.

[3] Đối với kháng cáo của ông T1: Về nguồn gốc đất ông T1 cho là ông và cha, mẹ ông khai phá phần đất, sau khi khai phá có trồng lá, thời điểm này ông B1 còn sống chung nên anh em có cùng trồng lá và hiện nay ông đang quản lý phần đất này. Biên bản hoà giải ngày 22 tháng 5 năm 2019 ông T1 thừa nhận đang quản lý và không đồng ý trả lại phần đất nêu trên cho ông Huỳnh Văn B1 vì phần đất trên ông đã sử dụng ổn định, lâu dài được Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V cấp sổ giao khoán.

Như vậy ông T1 được cha mẹ cho đất là có, nhưng cho phần đất nào, tại đâu, diện tích bao nhiêu thì chưa có căn cứ nào chứng minh, phần đất đang tranh chấp là loại đất rừng, do Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V giao khoán cho ông Huỳnh Văn T1, hiện nằm trong sổ hợp đồng giao khoán của ông Huỳnh Văn T1. Phần đất này ông B1 không quản lý sử dụng từ năm 1987 đến nay, theo Luật đất đai năm 1987, 1993 qui định, người có đất phải có nghĩa vụ đăng ký, kê khai theo qui định Luật đất đai, nhưng ông B1 không đăng ký. Trong suốt thời gian từ năm 1987 đến nay ông T1 là người quản lý trực tiếp sử dụng, Luật đất đai có nhiều chính sách thay đổi, suốt khoảng thời gian này giữa đôi bên không có tranh chấp, Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V đã giao cho ông Huỳnh Văn T1 quản lý sử dụng. Theo qui định về đất rừng thì người được cấp đất rừng phải canh tác, quản lý sử dụng, hộ gia đình phải đang sinh sống trong khu vực rừng phòng hộ thì mới được giao đất rừng để phát triển và sản xuất, đối với đất rừng thì không được chia tách thửa, chuyển đổi mục đích sử dụng, xây dựng công trình. Bản thân ông Huỳnh Văn B1 không sinh sống từ năm 1987 đến nay, không thuộc hộ được giao đất. Do đó, việc yêu cầu trả lại phần đất của ông B1 là chưa có căn cứ theo Luật đất đai.

[4] Xét thấy ông T1 là người quản lý, sử dụng phần đất rừng phòng hộ ổn định lâu dài và đã được cấp sổ hợp đồng giao khoán do Ban quản lý rừng thừa nhận. Mặt khác, diện tích đất đang tranh chấp thuộc sự quản lý của Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V và Ủy ban nhân dân xã Tân Ân là đất rừng sản xuất, là loại đất đặc thù riêng được nhà nước quản lý.

Cấp sơ thẩm buộc ông T1 trả giá trị đất cho ông B1 số tiền 150.000.000 đồng là chưa có căn cứ, phần đất tranh chấp thuộc quyền quản lý của Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến V. Nếu có phát sinh tranh chấp chỉ xem xét thành quả lao động, đầu tư cải tạo trên đất, không buộc trả giá trị đất như cấp sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ, phúc thẩm ông B1 cũng thừa nhận là trên đất chưa có cải tạo đất và cũng chưa có đầu tư cây trồng, toàn bộ chỉ là những cây tạp, giá trị kinh tế không cao.

Cũng như các phân tích trên thì không có căn cứ thừa nhận quyền sử dụng phần đất 7.500m² loại đất rừng là của ông Huỳnh Văn B1.

Tại phiên tòa nguyên đơn kháng cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh Ban quản lý rừng phòng hộ Kiên V giao đất cho ông B1, quyền sử dụng khai thác phần đất đang tranh chấp thuộc quyền của nguyên đơn, cho nên không có căn cứ chấp nhận khởi kiện của ông Huỳnh Văn B1.

Đối với ông Huỳnh Văn T1 tại tòa hôm nay ông khẳng định phần đất tranh chấp là của ông, ông không đồng ý giao trả đất cho ông B1 kể cả số tiền trị giá đất 150.000.000 đồng, nhưng vì là anh em ruột ông tự nguyện hỗ trợ cho ông B1 số tiền 75.000.000 đồng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bị đơn trên tinh thần tự định đoạt của đương sự, điều này phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[5] Đối với người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho phía nguyên đơn tại tòa có yêu cầu bổ sung kháng cáo yêu cầu nhận giá trị theo thị trường hiện nay, phần đất tranh chấp có giá trị khoảng 1.000.000.000 đồng, nhưng không đưa ra được chứng cứ, việc bổ sung yêu cầu nhận giá trị đất theo giá trị thị trường là vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên không được chấp nhận.

[6] Tại tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn hỗ trợ cho nguyên đơn số tiền 75.000.000 đồng. Sửa bản án sơ thẩm, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với phân tích trên.

Về chi phí tố tụng: Ông B1 phải chịu chi phí đo đạc số tiền 3.000.000 đồng, ông đã nộp xong.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn B1 và Huỳnh Văn T1 đều thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp, nên xét miễn cho nguyên và bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 165, Điều 168 Bộ luật dân sự 2005; Điều 26; Điều 135; Điều 166; Điều 170; Điều 203 Luật đất đai 2013; Nghị định 43/2014/NĐ – CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Văn B1.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn T1.

Sửa bản án sơ thẩm dân sự số: 18/2021/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển:

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn B1 buộc bị đơn ông Huỳnh Văn T1 có nghĩa vụ giao phần đất diện tích 7.500m² trị giá đất bằng số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) cho ông Huỳnh Văn B1.

2/ Ghi nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh Văn T1 hỗ trợ cho ông Huỳnh Văn B1 số tiền 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng)

Kể từ ngày ông Huỳnh Văn B1 có đơn yêu cầu thi hành án, ông Huỳnh Văn T1 không thanh toán xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

3/ Về chi phí tố tụng: Ông Huỳnh Văn B1 phải chịu chi phí đo đạc số tiền 3.000.000 đồng, ông B1 đã nộp xong.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn B1 và ông Huỳnh Văn T1 thuộc trường hợp được miễn, không phải nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Hùng Quang